TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2020/HNGĐ – ST
Ngày: 19-3-2020
V/v tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Thành
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trương Thị Diện
2. Bà Ngô Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện HN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN *tham gia phiên toà:* Ông Trương Văn Đình – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện HN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 23/2019/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trà Thị Thanh T, sinh năm 1979 (có mặt)
Địa chỉ: thôn TT 2, xã HH, huyện HN, tỉnh Bình Định

2. Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1975 (vắng mặt lần hai không lý do)
Địa chỉ: Khối 2, thị trấn BS, huyện HN, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn xin ly hôn và trình bày của nguyên đơn, chị Trà Thị Thanh T là: Chị và anh Trần Văn N kết hôn năm 1998 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn BS. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng sống mỗi người một nơi từ thời gian đó cho đến nay. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh N.

Về con chung: Có hai con chung tên Trần Trà Gia H – sinh năm 1999 và Trần Huy H – sinh ngày 07/3/2009. Tại phiên tòa hôm nay, chị Trà Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

+ Theo trình bày của bị đơn, anh Trần Văn N là: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên không

có lời khai.

+ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trà Thị Thanh T, chị T được ly hôn anh Trần Văn N. Đình chỉ yêu cầu giải quyết con chung của chị T; về tài sản chung: Không yêu cầu; Về nợ chung: Không có; Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trà Thị Thanh T có mặt, bị đơn, anh Trần Văn N vắng mặt. Đối với việc vắng mặt của anh Trần Văn N: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh N vẫn vắng mặt tại các buổi xét xử. Việc vắng mặt này của anh N là cố ý. Do đó, anh N phải chịu trách nhiệm về việc vắng mặt, không khai báo của mình theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự còn lại.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trà Thị Thanh T và anh Trần Văn N kết hôn năm 1998, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn BS là hôn nhân hợp pháp. Giữa vợ chồng chung sống không hạnh phúc và thường phát sinh mâu thuẫn. Những mâu thuẫn này là không thể hàn gắn được và ngày càng trầm trọng. Hiện tại, chị T và anh N sống mỗi người một nơi. Tình trạng này kéo dài đã nhiều năm. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh N đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trà Thị Thanh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vì chị T rút yêu cầu giải quyết tranh chấp về nuôi con khi ly hôn nên Tòa đình chỉ giải quyết yêu cầu này của chị T.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trà Thị Thanh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng sung công quỹ Nhà nước.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trà Thị Thanh T. Chị Trà Thị Thanh T được ly hôn anh Trần Văn N.

2/ Về con chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu về con chung của chị Trà Thị Thanh T

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trà Thị Thanh T nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Chị Trà Thị Thanh T đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008370 ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HN nên được khấu trừ. Chị Trà Thị Thanh T đã nộp đủ.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự vắng mặt cư trú để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2, Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30, Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự.*
- *VKSND huyện HN.*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trần Minh Thành